TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Châu Hoàng.
2. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thùy L - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Thanh T - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2017, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Trương Thị Thùy L trình bày: Bà và ông Võ Thanh T cưới nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An ngày 30/3/2010. Sống chung hạnh phúc đến tháng 01/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã. Ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Võ Thành D, sinh ngày 28/7/2010, hiện con chung đang sống với ông T. Con chung từ khi sinh ra đã bị bệnh tật bẩm sinh. Khi ly hôn bà yêu cầu ông T trực tiếp nuôi con chung, bà cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2018, bị đơn ông Võ Thanh T trình bày: Ông thống nhất trình bày của bà L về ngày tháng và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Về thời gian xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015 và ly thân khoảng một năm nay.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về nuôi con chung : Ông thống nhất giữa ông và bà L có một con chung tên Võ Thành D, sinh ngày 28/7/2010, hiện con chung đang sống với ông. Khi ly hôn ông đồng ý trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trương Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Võ Thanh T, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông Võ Thanh T được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông T không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[3] Bà Trương Thị Thùy L và ông Võ Thanh T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông T: Bà L và ông T đều không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về nguyên nhân mâu thuẫn, tuy nhiên xét cả hai đã thống nhất vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân và hiện tại vẫn sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà L và ông T thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nuôi con chung: bà L yêu cầu ông T trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thành D, sinh ngày 28/7/2010, hiện con chung đang sống với ông T. Xét con chung bị bệnh bẩm sinh từ nhỏ, từ khi bà L và ông T sống ly thân con chung do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: con chung bị bệnh tật bẩm sinh từ nhỏ, bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T thống nhất mức cấp dưỡng của bà L, nhưng không yêu cầu về thời gian cấp dưỡng nên không có căn cứ xem xét. Vì vậy, ghi nhận bà L cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi con chung đủ 18 tuổi, nếu có căn cứ xác định con chung đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, người trực tiếp nuôi con chung có quyền khởi kiện bằng vụ án khác về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà L và ông T trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nên chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà L phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

[10] Ông T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 55, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thùy L được ly hôn với ông Võ Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Ông Võ Thanh T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thành D, sinh ngày 28/7/2010, hiện con chung đang sống với ông T. Bà Trương Thị Thùy L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà L được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà L và ông T có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0008009 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà L có nghĩa vụ nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện C (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái